TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST Ngày 10-04-2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Di

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh A, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số nhà 35, tổ 7, ấp V, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng T.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tro*ng đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Thanh A yêu thương và đi đến cưới nhau năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký

kết hôn ngày 16/04/2008, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, Huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 16- 04-2008. Trong thời gian chung sống tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, ông T và bà A thường đã xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không thể hàn gắn được, bà A đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Phước Hưng, huyện Long Điền sinh sống và đã ly thân với ông T. Thấy không còn tình cảm nữa, nên ông T mong muốn được Tòa án huyện Long Điền giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thanh A.

Về con chung và cấp dưỡng: Bà Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Thanh A có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 19-8-2010. Ông T yêu cầu được giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho bà A và tự nguyện cấp dưỡng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) để bà A nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của ông T, Tòa án triệu tập bà A để làm việc nhưng bà A không đến Tòa để làm việc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn Thị Bảo N nên cần giao cháu N cho bà A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông T tự nguyện cấp dưỡng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho bà A để bà A nuôi con chung; Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông T xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bà A được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Nơi cư trú của bà Huỳnh Thị Thanh A ở thị trấn Long Hải huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Thanh A sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16-04-2008, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Qúa trình tố tụng bà A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà A cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Theo kết quả xác minh bà A đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ vì ông T và bà A không còn chung sống với nhau. Ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó bà A cố tình vắng mặt không có lý do; Biên bản xác minh ngày 16/02/2023, chính quyền địa phương cho biết ông T bà A có 01 con chung đang sinh sống với bà A, bà A và ông T không còn ở chung với nhau. Xét thấy, bà A không có thiện chí hàn gắn tình cảm, ông T kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Ông T yêu cầu được giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 19-8-2010 cho bà A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là do cháu N ở cùng bà A. Xét thấy cháu N đang được bà A trực tiếp nuôi dưỡng nhưng bà A không đưa cháu N đến Tòa án để làm việc là cố tình trốn tránh quyền và nghĩa vụ nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến cháu N. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 16/02/2023 hiện nay cháu N đang được

bà A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà A cố tình trốn tránh không đưa cháu N đến làm việc nên giao cho bà A trực tiếp giáo dục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N là phù hợp. Việc ông T tự nguyện cấp dưỡng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/ 01 tháng để bà A nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông T là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bà Huỳnh Thị Thanh A.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thanh A.

1.2 Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 19-8-2010 cho bà Huỳnh Thị Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T như sau: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thị Bảo N hàng tháng, mỗi tháng là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn) đồng, việc cấp dưỡng chậm nhất là ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu N trưởng thành (18 tuổi); Tiền cấp đưỡng được giao cho bà A.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009247 ngày 11-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, Ông T còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng T xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. "Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải (số 81, ngày 16-04-2008;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.